

Số: 295 /BC-UBND

Kbang, ngày 04 tháng 9 năm 2020

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện công tác chăm sóc rừng trồng 2017, 2018, 2019 và triển khai trồng mới 2020

Căn cứ Quyết định số 459/QĐ-SNNPTNT ngày 30/7/2020 của Sở Nông nghiệp và PTNT *V/v thành lập Đoàn công tác của Sở Nông nghiệp và PTNT đi kiểm tra thực tế và làm việc với UBND các huyện, thị xã, thành phố về công tác trồng và chăm sóc rừng trồng; và Kế hoạch làm việc và kiểm tra tình hình thực hiện công tác chăm sóc rừng trồng các năm 2017, 2018, 2019 và đơn đốc triển khai kế hoạch trồng rừng năm 2020 trên địa bàn tỉnh;*

UBND huyện báo cáo kết quả thực hiện công tác chăm sóc rừng trồng năm 2017, 2018, 2019 và triển khai trồng rừng, trồng cây phân tán năm 2020 trên địa bàn huyện như sau:

I. Kết quả chăm sóc rừng trồng 2017, 2018, 2019:

1. Trồng rừng năm 2017:

- Diện tích rừng trồng sản xuất: 806,72/640 ha trên đất ngoài quy hoạch lâm nghiệp, đạt 126,1 % Kế hoạch. Chủn loại cây trồng rừng sản xuất chủ yếu là: cây keo lai, riêng xã Kon Pnè trồng cây bởi lời đỏ.

- Diện tích trồng cây phân tán: 60,1 ha, đạt 100,17% Kế hoạch được giao. Chủn loại cây trồng chủ yếu: Muồng, sao đen, keo, bằng lăng, huỳnh đàn, cây sanh, bằng lăng tím, bởi lời, giòi, mắc ca, ...

- Chất lượng rừng trồng: Năm 2017 thời tiết tương đối thuận lợi do đó rừng trồng sinh trưởng và phát triển tốt, không xảy ra tình trạng sâu bệnh, cháy rừng, tỉ lệ sống đạt từ 85-90%. Mặt khác rừng trồng đúng thời vụ, cây giòi đưa vào trồng khỏe mạnh, phù hợp với điều kiện khí hậu và thổ nhưỡng của địa phương nên có tiềm năng đem lại năng suất cao, góp phần tăng thu nhập cho người dân địa phương.

Đối với diện tích trồng cây phân tán, qua kiểm tra còn 52,21 ha/60,1 ha (86,83%).

2. Trồng rừng năm 2018:

- Diện tích trồng rừng sản xuất qua tổng hợp báo cáo của các xã, thị trấn là 580,2 ha, tuy nhiên, qua kiểm tra, rà soát lại của UBND xã Đăk Rong diện tích rừng trồng thực tế trên địa bàn xã là 18,6 ha (*giảm 10 ha, do tổng hợp sai*). Do đó, diện tích rừng trồng năm 2018 là 570,2 ha/569 ha, đạt 100,2%. Toàn bộ diện tích trồng trên diện tích ngoài quy hoạch đất lâm nghiệp. Chủn loại cây trồng chủ yếu là cây keo lai và bởi lời đỏ.

- Diện tích trồng cây phân tán: 67,4/65 ha đạt 103,7% kế hoạch được giao. Chủn loại cây trồng chủ yếu là bởi lời, sao đen, mắc ca, giòi xanh, keo lai, xà cừ, giăng hương,...;

- Chất lượng rừng trồng: Trong năm 2018 do thời tiết nắng hạn kéo dài dẫn đến cây trồng rừng sinh trưởng và phát triển chậm, một số diện tích bị thiệt hại, giảm mật độ. Tuy nhiên không xảy ra tình trạng sâu bệnh, cháy rừng; đối với diện tích tích bị giảm mật độ, do cây bị chết, hộ dân đã kịp thời trồng dặm và chăm sóc. Do đó, diện tích rừng trồng vẫn được duy trì ổn định.

Đối với diện tích trồng cây phân tán, qua kiểm tra còn 59,2 ha/67,4 ha (87,74%).

3. Trồng rừng năm 2019:

- Diện tích trồng rừng sản xuất đạt 418,1/220 ha đạt 190,05 % kế hoạch được giao, trồng trên diện tích ngoài quy hoạch đất lâm nghiệp. Chủ yếu là cây keo lai và bời lời đỏ

- Diện tích trồng cây phân tán: 65,5/65 ha đạt 100,77% kế hoạch được giao. Chủ yếu là cây trồng chủ yếu là bời lời, sao đen, mắc ca, giổi xanh, keo lai, xà cừ, giáng hương, huỳnh đàn, ...

- Chất lượng rừng trồng: Trong năm 2019 do thời tiết nắng hạn kéo dài, ảnh hưởng đến chất lượng rừng trồng, một số diện tích tỷ lệ sống đạt thấp. Tuy nhiên, hộ đã kịp thời trồng dặm, chăm sóc rừng trồng kịp thời, đến nay hầu hết diện tích rừng trồng năm 2019 đã được phục hồi, mức độ phát triển trung bình, diện tích ổn định.

Đối với diện tích trồng cây phân tán, qua kiểm tra còn 55,24 ha/65,5 ha (84,34%).

(Có biểu tổng hợp diện tích rừng trồng năm 2017, 2018, 2019 kèm theo)

II. Kế hoạch trồng rừng năm 2020:

1. Kế hoạch giao:

Ngay từ đầu năm UBND huyện đã có Quyết định số 216/QĐ-UBND ngày 02/3/2020 theo đó giao kế hoạch chỉ tiêu trồng rừng, trồng cây phân tán năm 2020 cho các xã, thị trấn là: 200 ha trồng rừng tập trung, 70 ha trồng cây phân tán.

2. Công tác chỉ đạo:

Đến tháng 4/2020 UBND huyện có văn bản số 436/UBND-KT ngày 28/4/2020 đơn đốc triển khai thực hiện kế hoạch trồng và chăm sóc rừng trồng và báo cáo tiến độ thực hiện về UBND huyện.

Triển khai dự án liên kết trồng rừng thuộc nguồn vốn Chương trình nông thôn mới năm 2020 với tổng diện tích 239,3 ha (Keo lai 223 ha, bạch đàn 16,3 ha) với tổng kinh phí: 1.277 triệu.

- Tuyên truyền vận động người dân trồng lại diện tích bị chết năm 2019 để đảm bảo mật độ và diện tích rừng trồng.

3. Kết quả thực hiện đến nay:

Đến nay trên địa bàn huyện đã thực hiện trồng được 167,8/200 ha rừng sản xuất, đạt 83,9% kế hoạch (trong đó: Thị trấn 6,0 ha; xã Đông 15 ha; Nghĩa An 15,0 ha; Kông Bờ La 16,0 ha; Tơ Tung 35,4 ha; Kông Long Khong 12,1 ha; Lơ Ku 35,0 ha; Krong 2,0 ha; Sờ Pai 3,0 ha; Sơn Lang 10 ha; Đăkrong 18,3 ha). Chủ yếu là cây trồng: Keo lai, bạch đàn, gáo vàng, mắc ca,...

Đối với trồng cây phân tán đã thực hiện trồng được 15.680 cây phân tán trên địa bàn thị trấn Kbang, Kông Bờ La, Lơ Ku, Krong, Sơ pai, Sơn Lang và Đăkrong. Chung loại cây: Keo lai, Huỳnh đàn, sao đen,...

4. Khó khăn vướng mắc.

Thời tiết trong những năm gần đây biến đổi bất thường, nắng hạn kéo dài, nên việc trồng, chăm sóc gặp nhiều khó khăn; khả năng sinh trưởng, phát triển của rừng trồng không cao.

Việc liên kết với các nhà máy trong việc tiêu thụ gỗ từ rừng trồng còn ít, chủ yếu người dân bán thông qua các thương lái nên giá cả không ổn định.

III. Phương hướng và giải pháp trong thời gian tới:

Đối với diện tích trồng năm 2017, 2018, 2019 chỉ đạo UBND các xã, thị trấn tuyên truyền người dân đầu tư, chăm sóc rừng trồng đạt hiệu quả, phòng cháy (đặc biệt là trong mùa khô). Đối với diện tích rừng rỗng năm 2019 bị chết, tiếp tục thực hiện trồng dặm trong năm 2020.

UBND huyện tiếp tục chỉ đạo cơ quan chuyên môn đơn đốc các xã, thị trấn triển khai hướng dẫn hộ dân xử lý thực bì, chuẩn bị cây giống, đào hố để trồng rừng năm 2020 đảm bảo kịp thời vụ, tiến độ, đạt và vượt kế hoạch đề ra.

Thực hiện có hiệu quả các dự án hỗ trợ trồng rừng, trồng cây phân tán thuộc Chương trình MTQG năm 2020 trên địa bàn huyện.

Trên đây là kết quả trồng, chăm sóc rừng trồng năm 2017, 2018, 2019 và tiến độ thực hiện trồng rừng năm 2020 trên địa bàn, UBND huyện báo cáo Sở nông nghiệp và PTNT năm được, tổng hợp. /*nh*

Nơi nhận:

- TT UBND huyện;
- Sở Nông nghiệp và PTNT;
- Phòng Nông nghiệp và PTNT;
- Hạt kiểm lâm huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT, VP, KT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

KI. CHỦ TỊCH



PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Dũng



BIỂU 1



KẾT QUẢ KIỂM TRA, NGHIỆM THU RỪNG TRỒNG SẢN XUẤT NĂM 2017-2019

Stt	Địa phương, đơn vị	Diện tích thực hiện						Diện tích hiện tại			Ghi chú	
		Diện tích (ha)	Lô	Khoảnh	Tiểu khu	Thôn, xã	Loại cây	mật độ	Diện tích (ha)	Mật độ hiện còn		Tỷ lệ đạt (%)
I	Năm 2017	806,72							806,72			
1	Thị trấn Kbang	4,00				Làng Htăng, Chré, TDP 12	Keo lai		4,00		>90	
2	Xã Đông	62,50					Keo lai, Bạch đàn	2500	62,50	2000	80	
3	Xã Nghĩa An	57,20					Keo lai		57,20	0	>90	
4	Xã Kông Bờ La	10,80					Keo lai	1.600	10,80	1.280	80	
5	Xã Kông Long Khong	29,00					Keo lai	2.500	29,00	2.000	>80	
6	Xã Tư Tung	86,60				Tại các làng, trên địa bàn xã	Keo lai		86,60		>90	
7	Xã Lơ Ku	165,40					Keo lai	1760	165,40	1400	80	
8	Xã Đắk Smar	43,00				Thôn 2, Króit	Keo lai		43,00		>85	
9	Xã Krong	80,00					Keo lai		80,00			
10	Xã Sơ Pai	132,00				Buôn lười, tờ Kor...	Keo lai, Mắc ca		132,00		>85	
11	Xã Sơn Lang	50,02				Trên địa bàn xã	Keo lai		50,02		>85	
12	Xã Đắk Rong	18,40				Làng Kon Lanh, Kon Von, Kon Lanh Te, Kon Bông, Kon Lóc 1, thôn Suối U	Keo lai, mắc ca, Bời lời		18,40		>90	
13	Xã Kon Pne	67,80					Bời lời		67,80		>90	
II	Năm 2018	580,20							570,20			
1	Thị trấn Kbang	20,90				Làng Htăng, Chré, TDP 12	Keo lai, Bời lời		20,90		100	

Như

Stt	Địa phương, đơn vị	Diện tích thực hiện						Diện tích hiện tại			Ghi chú	
		Diện tích (ha)	Lô	Khoảnh	Tiểu khu	Thôn, xã	Loại cây	mật độ	Diện tích (ha)	Mật độ hiện còn		Tỷ lệ đạt (%)
2	Xã Đông	15,00			133-135		Keo lai		15,00		>90	
3	Xã Nghĩa An	14,00					Keo lai, Bạch đàn	2500	14,00		>95	
4	Xã Kông Bờ La	15,80					Keo lai		15,80	0	80	
5	Xã Kông Long Khong	39,30					Keo lai	2.500	39,30	2.000	>80	
6	Xã Tơ Tung	28,00				Tại các làng, trên địa bàn xã	Keo lai		28,00		>90	
7	Xã Lơ Ku	140,00					Keo lai		140,00		>90	
8	Xã Đăk Smar	40,00				Thôn 2, Króit, Cam	Keo lai		40,00		>85	
9	Xã Krong	40,00					Keo lai		40,00			
10	Xã Sơ Pai	7,00				Làng Kung	Keo lai		7,00		>90	
11	Xã Sơn Lang	129,40				Trên địa bàn xã	Keo lai		129,40		>90	
12	Xã Đăk Rong	28,60				Hà Đưng, Kon Lanh, Suối U, ...	Keo lai, mắc ca, Bời lời		18,60		>90	
13	Xã Kon Pne	62,20					Bời lời		62,20		>90	
III	Năm 2019	418,10							418,10			
1	Thị trấn Kbang	10,00				Thị trấn	Keo lai, Bạch đàn		10,00		80	
2	Xã Đông	10,00			135		Keo lai, bạch đàn		10,00		>95	
3	Xã Nghĩa An	15,00				Làng lợt	Keo lai		15,00		>95	
4	Xã Kông Bờ La	12,00					Keo lai		12,00	0	>80	
5	Xã Kông Long Khong	48,00			170-172		Keo lai	2.500	48,00	2.000	>90	

10/11

Stt	Địa phương, đơn vị	Diện tích thực hiện						Diện tích hiện tại			Ghi chú	
		Diện tích (ha)	Lô	Khoả nh	Tiểu khu	Thôn, xã	Loại cây	mật độ	Diện tích (ha)	Mật độ hiện còn		Tỷ lệ đạt (%)
6	Xã Tư Tung	20,20				Đồng tâm, Nam Cao, ...	Keo lai		20,20		>90	
7	Xã Lơ Ku	30,00					Keo lai		30,00		>90	
8	Xã Đăk Smar	54,00				Thôn 2, Króit, Cam	Keo lai		54,00		>85	
9	Xã Krong	71,50				Địa bàn xã Krong	Keo lai		71,50			
10	Xã Sơ Pai	55,00				Làng Kung	Keo lai		55,00		>90	
11	Xã Sơn Lang	10,00				Trên địa bàn xã	Keo lai		10,00		>90	
12	Xã Đăk Rong	72,40				Hà Đùng, Kon Lanh, Suối U, ...	Keo lai, mắc ca, Bời lời		72,40		>90	
13	Xã Kon Pne	10,00					Bời lời		10,00		>90	
Tổng cộng												

2/2

TỔNG HỢP KẾT QUẢ KIỂM TRA TRỒNG CÂY PHÂN TÁN NĂM 2017-2019

Stt	Địa điểm trồng	Diện tích thực hiện				Kết quả kiểm tra, nghiệm thu				Nguồn vốn thực hiện	Ghi chú
		Trồng cảnh quan		Trồng phân tán hộ		Trồng cảnh quan		Trồng phân tán hộ			
		Số lượng (cây)	Loại cây	Số lượng (cây)	Loại cây	Số lượng (cây)	Loại cây	Số lượng (cây)	Loại cây		
I	Năm 2017	17.911		42.220		13.028		39.184			
1	Thị trấn Kbang	100	Huỳnh đàn	3.730	Huỳnh đàn, sao đỏ	100	Huỳnh đàn	3.730	Huỳnh đàn, sao đỏ	nhân dân	
2	Xã Đông	740	Sao đen, xà cừ, bàng dài loan	3.980	Sao đen, huỳnh đàn, keo, ...	547	Sao đen, xà cừ, bàng dài loan	2.994	Sao đen, huỳnh đàn, keo, ...	vốn nhân dân, sự nghiệp MT	
3	Xã Nghĩa An	4.700	cây sao đen, keo lai, cây muồng chắn gió			4.700	cây sao đen, keo lai, cây muồng chắn gió			vốn nhân dân, sự nghiệp MT	
4	Xã Đắk Hlơ	1.100	Bằng lăng, keo, bạch đàn	1.000	Keo	1.100	Bằng lăng, keo, bạch đàn			NS xã	
5	Xã Kông Bờ La	4.000	Bằng lăng, keo, bạch đàn								
6	Xã Kông Long Khong	1.010	Xà cừ, sao xanh	3.900	Keo	1.010	Xà cừ, sao xanh	3.900	Keo		

N

Stt	Địa điểm trồng	Diện tích thực hiện			Kết quả kiểm tra, nghiệm thu			Nguồn vốn thực hiện	Ghi chú		
		Trồng cảnh quan		Số lượng (cây)	Trồng phân tán hộ		Số lượng (cây)			Loài cây	
		Số lượng (cây)	Loại cây		Số lượng (cây)	Loại cây					
7	Xã Tơ Tung	971	Trắc, hương, huỳnh đàn, muồng	3.900	Keo, bạch đàn	771	Trắc, hương, huỳnh đàn, muồng	3.500	Keo, bạch đàn	Vốn nhân dân	
8	Xã Lơ Ku	4.700	Keo, xà cừ, sao đen			4.700	Keo, xà cừ, sao đen				
9	Xã Đăk Smar			4.000	Huỳnh đàn, hương, phượng			4.000	Huỳnh đàn, hương, phượng	Vốn nhân dân	
10	Xã Krong			5.000	keo			5.000	keo	Vốn nhân dân	
11	Xã Sơ Pài	590	Keo, Huỳnh đàn, trắc	3.710	Keo, trắc, bởi lòi, HÐ	100	Keo, Huỳnh đàn, trắc	3.060	Keo, trắc, bởi lòi, HÐ	Nhân dân	
12	Xã Sơn Lang			4.500	Keo, Bởi lòi, Mắc ca			4.500	Keo, Bởi lòi, Mắc ca	Vốn nhân dân	
13	Xã Đăk Rong			4.500	Mắc ca, Giỏi, Keo, Bởi lòi			4.500	Mắc ca, Giỏi, Keo, Bởi lòi	Vốn nhân dân	
14	Xã Kon Pne			4.000	Bởi lòi, Huỳnh đàn, Mắc ca, Mít			4.000	Bởi lòi, Huỳnh đàn, Mắc ca, Mít	Nhân dân	

Nhà

Stt	Địa điểm trồng	Diện tích thực hiện			Kết quả kiểm tra, nghiệm thu			Nguồn vốn thực hiện	Ghi chú		
		Trồng cảnh quan		Số lượng (cây)	Trồng phân tán hộ		Số lượng (cây)				
		Số lượng (cây)	Loại cây		Số lượng (cây)	Loại cây					
										Số lượng (cây)	Loại cây
II	Năm 2018	15.560		51.860		11.742	47.415				
1	Thị trấn Kbang	300	Huỳnh đàn, sao đen	1.900	Huỳnh đàn, sao đen, bởi lồi, mắc ca	300	Huỳnh đàn, sao đen	1.900	Huỳnh đàn, sao đen, bởi lồi, mắc ca	nhân dân	
2	Xã Đông	200	Sao đen	4.800	Mắc ca, bởi lồi, huỳnh đàn,...	150	Sao đen	3.655	Mắc ca, bởi lồi, huỳnh đàn,...	vốn nhân dân, sự nghiệp MT	
3	Xã Nghĩa An	1.400	Keo lai, huỳnh đàn, cây lộc vùng	3.600	Keo lai, huỳnh đàn, cây lộc vùng	1.400	Keo lai, huỳnh đàn, cây lộc vùng	3.600	Keo lai, huỳnh đàn, cây lộc vùng	vốn nhân dân, sự nghiệp MT	
4	Xã Đắk Hlơ	1.040	Keo, Huỳnh đàn			1.040	Keo, Huỳnh đàn			NS xã	
5	Xã Kông Bờ La	2.000	Keo								
6	Xã Kông Long Khong	4.320	Xà cừ, giáng hương	1.500	Keo, xà cừ	2.552	Xà cừ, giáng hương	980	Keo, xà cừ	Vốn nhân dân, NS xã	
7	Xã Tư Tung			1.760	Keo, sao xanh, huỳnh đàn			1.700	Keo, bạch đàn	Vốn nhân dân	
8	Xã Lơ Ku	6.000	Keo			6.000	Keo				
9	Xã Đắk Smar			4.200	Mắc ca, keo			4.200	Mắc ca, keo		

12/11

Stt	Địa điểm trồng	Diện tích thực hiện			Kết quả kiểm tra, nghiệm thu			Nguồn vốn thực hiện	Ghi chú		
		Trồng cảnh quan		Trồng phân tán hộ	Trồng cảnh quan		Trồng phân tán hộ				
		Số lượng (cây)	Loại cây	Số lượng (cây)	Loại cây	Số lượng (cây)	Loại cây				
10	Xã Krong			6.000	Keo, mắc ca			6.000	Keo, mắc ca	Vốn nhân dân	
11	Xã Sơ Pai			5.200	Mắc ca, giổi			4.280	Mắc ca, giổi	Vốn nhân dân	
12	Xã Sơn Lang			6.000	Mắc ca, Keo,...			6.000	Mắc ca, Keo,...	Vốn nhân dân	
13	Xã Đăk Rong			5.100	Mắc ca, Giổi, Keo			5.100	Mắc ca, Giổi, Keo	Nhân dân, dự án, hỗ trợ	
14	Xã Kon Pne	300	Trắc, mắc ca	11.800	Mắc ca, giổi, Mít	300	Trắc, mắc ca	10.000	Mắc ca, giổi, Mít	Nhân dân	
III	Năm 2019	12.320		53.180		6.770		48.470			
1	Thị trấn Kbang	500	Huỳnh đàn, sao đen, muông	2.500	Huỳnh đàn, sao đỏ	500	Huỳnh đàn, sao đen, muông	2.500	Huỳnh đàn, sao đỏ	nhân dân	
2	Xã Đông			5.000	Bạch đàn			2.800		Vốn sự nghiệp MT	
3	Xã Nghĩa An	5.500	Keo Lai			5.500	Keo Lai			Vốn sự nghiệp MT	
4	Xã Đăk Hlơ	1.000	Keo								Hạn
5	Xã Kông Bờ La	4.000	Keo								
6	Xã Kông Long Khong	1.020	Keo, Huỳnh đàn	4.080	Keo	720	Keo, Huỳnh đàn	3.810	Keo	Vốn dự án, nhân dân	
7	Xã Tơ Tung			4.900	Keo, Gáo, giổi			3.500	Keo, bạch đàn	Vốn nhân dân	

Handwritten signature

Stt	Địa điểm trồng	Diện tích thực hiện				Kết quả kiểm tra, nghiệm thu				Nguồn vốn thực hiện	Ghi chú
		Trồng cảnh quan		Trồng phân tán hộ		Trồng cảnh quan		Trồng phân tán hộ			
		Số lượng (cây)	Loại cây	Số lượng (cây)	Loại cây	Số lượng (cây)	Loại cây	Số lượng (cây)	Loại cây		
8	Xã Lơ Ku			6.000	Keo, Huỳnh đàn			6.000	Keo, Huỳnh đàn		
9	Xã Đăk Smar			5.000	Huỳnh đàn, phượng, mắc ca, keo			5.000	Huỳnh đàn, phượng, mắc ca, keo	Vốn nhân dân	
10	Xã Krong			5.000	Keo, Mắc ca			5.000	Keo, Mắc ca	Vốn nhân dân	
11	Xã Sơ Pai	300	Huỳnh đàn	4.700	Keo, Mắc ca, giòi	50	Huỳnh đàn	3.860	Keo, Mắc ca, giòi	Vốn nhân dân	
12	Xã Sơn Lang			5.000	Keo, Mắc ca, Giỏi			5.000	Keo, Mắc ca, Giỏi	Nhân dân	
13	Xã Đăk Rong			6.000	Mắc ca, Giỏi			6.000	Mắc ca, Giỏi	Vốn nhân dân, dự án hỗ trợ	
14	Xã Kon Pne			5.000	Mắc ca, giòi, Mít			5.000	Mắc ca, giòi, Mít	Vốn nhân dân, dự án hỗ trợ	
Tổng cộng		45.791		147.260		31.540		135.069			

Như

